TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 15-03-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Hồng Nam;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Thuyết;

Ông: Hoàng Ngọc Phiến;

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Lương Dương Tùng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST - HS, ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Đình B, sinh năm 1975 tại tỉnh Thái Nguyên; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: ĐKNKTT và chỗ ở: 1001, CT5 khu đô thị mới T H, xã T H, huyện Th Tr, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng viên Đảng CSVN (Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 55 – QĐ/UBKT ngày 28/12/2021 của Ủy ban kiểm tra, thành ủy Thái Nguyên); con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1944 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1945; gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; bị cáo có vợ là Cao Bích H, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1966; nơi cư trú: Xóm 9, xã C L, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Tổ 3, phường Q Tr, thành phố Th Ng, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Ông Ngô Văn Ng, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố L H Ph, thị trấn Đ, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Đoan H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Tổ dân phố L H Ph, thị trấn Đ, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

4. Chị Cao Bích H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 3, phường Q Tr, thành phố Th Ng, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt;

5. Anh Vũ Hoài N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm 9, xã C L, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017 thông qua quan hệ quen biết, Nguyễn Đình B, khi đó đang là Thiếu tá quân đội công tác tại Phòng kế hoạch, Văn phòng Tổng cục II, Bộ Quốc Phòng, bịa đặt ra thông tin với ông Ngô Văn Ng, sinh năm 1954, HKTT: tổ dân phố Lê Hồng Phong, thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên từng là giáo viên dạy học của B tại trường Học viện chính trị - Bộ quốc phòng, là Tổng cục II có tuyển dụng công nhân quốc phòng, trong gia đình ai có nhu cầu để Bình xin giúp theo xuất ưu tiên con em trong ngành. Thời điểm này bà Nguyễn Thị Thanh V (là em vợ của ông Ng) có con trai là Vũ Hoài N, sinh năm 1989 đã tốt nghiệp Đại học sư phạm Thái Nguyên từ năm 2016, chưa có việc làm, nên ông Ng đã cho bà V biết câu chuyện trên và cho số điện thoại của B để bà V liên hệ. Sau khi liên hệ với B, thấy B nói có chỉ tiêu tuyển dụng công nhân quốc phòng và B làm ở bộ phận gần với lãnh đạo ở Tổng cục II, có suất ưu tiên cán bộ trong ngành và biết B có mối quan hệ gần gũi với gia đình ông Ng đồng thời khi đó B vẫn đang công tác trong lực lượng quân đội nên bà V đã tin tưởng đó là thật, bà V đã nhờ B xin việc cho N. Qua trao đổi thỏa thuận, B đã đưa ra mức chi phí để xin việc là 350.000.000đ, bà V nhất trí. Ngày 21/06/2017, theo yêu cầu của B, bà V chuyển đến số tài khoản 45010002401502 của Nguyễn Đình B số tiền 50.000.000đ để đặt cọc. Đến ngày 24/06/2017, B tiếp tục gọi điện bảo bà V đưa tiếp cho B số tiền 50.000.000đ và hẹn gặp bà V tại nhà ông Ngô Văn Ng để giao nhận tiền và hồ sơ xin việc của N, tại đây bà V đã giao tiền mặt cho B số tiền 50.000.000đ cùng bộ hồ sơ xin việc của Vũ Hoài N, sau khi nhận tiền B đã viết giấy biên nhận tiền gộp số tiền ngày 21/06/2017 tổng là 100.000.000đ.

Đến ngày 26/06/2017, B tiếp tục gọi điện cho bà V chuyển cho B 50.000.000đ nên bà V đã đến ngân hàng BIDV chi nhánh phường Quan Triều, TP. Thái Nguyên chuyển qua ngân hàng đến số tài khoản 45010002401502 của

Nguyễn Đình B số tiền 50.000.000đ. Ngày 01/07/2017, B tiếp tục gọi điện cho bà V đưa ra lý do suất xin việc ngon nên có nhiều hồ sơ đăng ký và toàn bằng khá giỏi còn bằng của N là bằng trung bình nên tranh giành khó (được thể hiện tại cuộc gọi ngày 01/07/2017 giữa bà V và B), B bảo bà V chuyển tiền tiếp để lo xin việc cho N đến ngày 04/07/2017 bà V đến ngân hàng BIDV chi nhánh phường Quan Triều, TP. Thái Nguyên chuyển cho B số tiền 50.000.000đ vào số tài khoản nêu trên của B. Sau khi chuyển cho B tổng số tiền là 200.000.000đ bà V thoả thuận với B khi nào xin được việc cho N sẽ chuyển tiếp số tiền 150.000.000đ còn lại, B đồng ý. Đến ngày 09/08/2017 bà V gọi điện cho B để hỏi kết quả thì B nói đang chờ họp xét và bảo bà V yên tâm, sau đó đến ngày 04/09/2017 không thấy B thông báo kết quả xin việc, bà V tiếp tục gọi điện cho B hỏi thì B trả lời "chắc ngày mười lăm này biết" khi bà V hỏi kết quả công việc, thì B trả lời "có khả quan mà, đến mười lăm họp xét lần cuối là xong". Tuy nhiên, đến ngày 18/09/2017 không thấy có kết quả xin việc cho N, bà V nghi ngờ đã gọi điện cho B để dừng lại chuyện xin việc và bảo B trả lại số tiền 200.000.000đ. Do sau khi nhận của bà V số tiền 200.000.000đ và hồ sơ xin việc của N, B không nộp hồ sơ cho ai cũng không dùng số tiền để lo xin việc cho N mà dùng số tiền để trả nợ cá nhân, nên B không có khả năng trả lại tiền cho bà V. Sau nhiều lần bà V gọi điện đòi tiền thì B đưa ra các lý do đi công tác xa, chưa đòi lại được tiền từ người nhận xin việc và hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay B chưa trả cho bà V một khoản tiền nào. Do nợ nần, nên Nguyễn Đình B đã làm đơn xin xuất ngũ, ngày 01/04/2018 B có Quyết định phục viên trở về địa phương. Ngày 11/03/2020 bà V đã làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Lương để xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra Nguyễn Đình B đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp với Kết luận giám định, lời khai của bị hại, của người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 đĩa DVC NEO CD-R700Mb/80min/52x lưu trữ 33 bản ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và Nguyễn Đình B do bà V cung cấp; 01 đĩa DVC NEO CD-R700Mb/80min/52x lưu trữ bản ghi âm thu mẫu giọng nói của bà Nguyễn Thị Thanh V và Nguyễn Đình B (mẫu so sánh), chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKSPL ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm; đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình B phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B, từ 08 đến 09 năm tù.

*Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

* Về xử lý vật chứng: Không;

* Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì.

Bị hại: Không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo mức án thấp nhất có thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội và tội danh bị truy tố: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cùng với những tài liệu đã thu thập tại hồ sơ như: Biên bản và sơ đồ khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, các biên bản xác minh, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai của những người tham gia tố tụng khác, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2017, Nguyễn Đình B lợi dụng nghề nghiệp công tác, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin về việc có khả năng xin việc cho con trai bà Nguyễn Thị Thanh V là anh Vũ Hoài N vào làm việc tại Tổng cục II, Bộ Quốc phòng. Bà V tin tưởng nên từ ngày 21/6/2017 đến ngày 04/7/2017 theo yêu cầu của B, bà V đã chuyển cho B 200.000.000 đồng làm chi phí để xin việc cho anh Vũ Hoài N. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, Bình không sử dụng vào

việc xin việc cho anh N vào quân đội mà chiếm đoạt số tiền trên của bà V và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, nội dung điều luật quy định:

"Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2 ...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;"

Đối chiếu với khoản 3 Điều 174 BLHS 2015 quy định về tội này thì có khung hình phạt như nhau và không nằm trong những quy định có lợi cho người phạm tội.

Do đó, bản Cáo trạng số 07/CT – VKSPL ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự mà điều luật đã quy định.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, đã từng phục vụ trong quân đội nhân dân Việt nam và là đảng viên Đảng CSVN hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố, mẹ đẻ được tặng thưởng Huân, huy chương là người có công với cách mạng; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ

quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe bị cáo đồng thời phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Xét thấy yêu cầu của bị hại là chính đáng, mức yêu cầu bồi thường là phù hợp do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho cho bị hại số tiền trên.

[7] Về vật chứng của vụ án: Không. Các đĩa DVC ghi âm cuộc nói chuyện xác định là tài liệu kèm theo vụ án.

[8] Về án phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015, Điều 23, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa về mức hình phạt và những vấn đề khác đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136; Điều 329; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình B** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 08 (tám) năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh V số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thanh toán được các khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Không.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu VP;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Nam